

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B14KTH
TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
MÃ HỌC PHẦN : ACC - 421

ĐỢT HỌC 8
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 07/11/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	142327003	Nguyễn Thị Kiều Anh	B14KTH1	9		8.5		6				4	5.5	Nằm pháy Nằm			
2	142327004	Trần Kim Anh	B14KTH1	10		4		6				8.8	7.7	Báý pháy Báý			
3	142327007	Nguyễn Thị Bình	B14KTH1	10		8		7				9	8.5	Tằm pháy Nằm			
4	142327013	Lê Thị Kim Chung	B14KTH1	10		9		9				9.3	9.3	Chên pháy Ba			
5	142327022	Lương Thu Hà	B14KTH1	6		1		5				7.5	6.1	Sầu pháy Mắú			
6	142327027	Trần Thị Bảo Hà	B14KTH1	6		4.5		6				7.8	6.8	Sầu pháy Tằm			
7	142327029	Đinh Thị Hải	B14KTH1	9		8.5		8				8.3	8.3	Tằm pháy Ba			
8	142327030	Vũ Thị Bích Hạnh	B14KTH1	10		9		8.5				9.3	9.1	Chên pháy Mắú			
9	142327036	Lê Thị Thu Hiền	B14KTH1	10		4		7				8.5	7.8	Báý pháy Tằm			
10	142337362	Mai Thị Hiền	B14KTH1	6		0		2				6.5	4.7	Bầú pháy Báý			
11	142327043	Nguyễn Thị Hoài	B14KTH1	10		4		8.5				7	7.4	Báý pháy Bầú			
12	142327045	Bùi Thị Bích Hoàn	B14KTH1	10		9.5		8.5				9.8	9.5	Chên pháy Nằm			
13	142327047	Nguyễn Thị Hồng	B14KTH1	10		9		8				4	6.1	Sầu pháy Mắú			
14	142327053	Nguyễn Thị Hương	B14KTH1	10		9		8.5				9	9.0	Chên			
15	142327054	Nguyễn Thị Hương	B14KTH1	9		7.5		8.5				5.5	6.8	Sầu pháy Tằm			
16	142327050	Đào Thị Thu Huyền	B14KTH1	10		9.5		8.5				4	6.3	Sầu pháy Ba			
17	142327057	Võ Thị Lam	B14KTH1	10		4		7.5				3	0.0	Khăng			
18	142327058	Nguyễn Thị Quỳnh Lan	B14KTH1	8		7		7				4.5	5.7	Nằm pháy Báý			
19	142327060	Lê Thị Hồng Lê	B14KTH1	6		0		3				HP	0.0	Khăng			
20	142327062	Đoàn Thị Mai Liên	B14KTH1	10		7		7.5				9	8.5	Tằm pháy Nằm			
21	142327063	Lê Thị Liên	B14KTH1	9		8		6				7.8	7.5	Báý pháy Nằm			
22	142327067	Vũ Thị Linh	B14KTH1	9		8.5		8.5				8.3	8.4	Tằm pháy Bầú			
23	142327072	Đinh Thị Thùy Luy	B14KTH1	10		6		6				4	5.3	Nằm pháy Ba			
24	142327075	Phạm Thị Lý	B14KTH1	9		5.5		6				5.8	6.1	Sầu pháy Mắú			
25	142327076	Lê Thị Tuyết Mai	B14KTH1	10		4.5		8.5				V	0.0	Khăng			
26	142327077	Phạm Thị Tuyết Mai	B14KTH1	9		4		8				9.5	8.5	Tằm pháy Nằm			
27	142327083	Lê Thị Nga	B14KTH1	10		9.5		7				7.3	7.7	Báý pháy Báý			
28	142327085	Trần Thị Thanh Nga	B14KTH1	10		10		8				10	9.5	Chên pháy Nằm			
29	142327086	Trần Thị Thu Ngà	B14KTH1	10		9		7.5				10	9.3	Chên pháy Ba			
30	142327091	Trần Thị Bích Ngọc	B14KTH1	10		8		7.5				9.5	8.9	Tằm pháy Chên			
31	142327093	Hoàng Minh Nguyệt	B14KTH1	9		8.5		8				6.3	7.2	Báý pháy Hai			
32	142327094	Trương Thị Bích Nguyệt	B14KTH1	10		9.5		8.5				6.8	7.8	Báý pháy Tằm			
33	142327095	Lê Thị Hồng Nhân	B14KTH1	10		3.5		8.5				3.5	0.0	Khăng			
34	142327105	Trần Thị Bảo Phong	B14KTH1	9		3.5		8.5				3.3	0.0	Khăng			
35	142327108	Trương Thị Phụng	B14KTH1	10		8		6				6.5	6.9	Sầu pháy Chên			
36	142327109	Phạm Thị Quế	B14KTH1	10		9.5		7.5				7.3	7.8	Báý pháy Tằm			
37	142327117	Võ Thị Thanh Tâm	B14KTH1	8		3		8				6.3	6.6	Sầu pháy Sầu			
38	142327129	Phạm Thị Thắm	B14KTH1	10		9.5		8				8.5	8.6	Tằm pháy Sầu			
39	142327120	Trần Thị Hoài Thanh	B14KTH1	10		5		7.5				9.3	8.5	Tằm pháy Nằm			
40	142337492	Phạm Thị Thanh	B14KTH1	6		0		6				8	6.5	Sầu pháy Nằm			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B14KTH

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐỢT HỌC

8

MÃ HỌC PHẦN : ACC - 421

TÍN CHỈ

3

Ngày thi: 07/11/2010

LẦN THI

1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	142327125	Đào Thị Thanh	Thảo	B14KTH1	10		9.5		8				9.5	9.2	Chên pháp Hai		
42	142327130	Đào Thị	Then	B14KTH1	9		8.5		7				9.3	8.6	Tam pháp Sau		
43	142327135	Vũ Thị	Thom	B14KTH1	10		9		8				10	9.4	Chên pháp Bấu		
44	142327149	Nguyễn Thị	Thương	B14KTH1	10		7		6.5				8.5	8.0	Tam		
45	142327144	Lê Thị	Thúy	B14KTH1	9		5		5				7.8	6.9	Sau pháp Chên		
46	142327146	Trần Thị Hoài	Thúy	B14KTH1	10		5.5		8.5				6.5	7.3	Baý pháp Ba		
47	142327153	Lê Thị	Trang	B14KTH1	10		9		6.5				5.8	6.7	Sau pháp Baý		
48	142327154	Nguyễn Thị Như	Trang	B14KTH1	9		7		7.5				5.8	6.7	Sau pháp Baý		
49	142327155	Trần Thị	Trang	B14KTH1	8		8		8				7	7.5	Baý pháp Nam		
50	142327157	Nguyễn Thị	Triều	B14KTH1	8		9.5		7.5				6.5	7.2	Baý pháp Hai		
51	142327159	Phan Thị Nguyên	Trinh	B14KTH1	10		9		8				10	9.4	Chên pháp Bấu		
52	142327162	Nguyễn Thanh	Tuấn	B14KTH1	8		3		6				8.8	7.4	Baý pháp Bấu		
53	142327166	Lưu Thị Thanh	Uyên	B14KTH1	10		7.5		8				4.3	6.1	Sau pháp Mất		
54	142327168	Đinh Thị Thủy	Vân	B14KTH1	7		8		4				2.3	0.0	Khăng		
55	142327175	Hoàng Thị Hải	Yến	B14KTH1	9		10		7.5				10	9.3	Chên pháp Ba		
56	142327176	Mai Thị Hải	Yến	B14KTH1	8		2.5		6.5				6.8	6.4	Sau pháp Bấu		
57	142327179	Võ Thị Kim	Yến	B14KTH1	9		6		6				2.8	0.0	Khăng		
58	142327126	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	B14KTH1	8		4.5		5				1	0.0	Khăng		
59	142327171	Trịnh Cẩm	Vân	B14KTH1	8		3		5				1	0.0	Khăng		
60	142327001	Bùi Nguyên Huyền	Ái	B14KTH2	9		5		7.5				6.8	7.0	Baý		
61	142327002	Hoàng Ngọc	Anh	B14KTH2	10		8		7				10	9.1	Chên pháp Mất		
62	142327012	Trần Thị Minh	Chi	B14KTH2	10		9		8.5				9.8	9.4	Chên pháp Bấu		
63	142327014	Bùi Thị	Cúc	B14KTH2	10		4.5		8.5				8	8.0	Tam		
64	142327019	Trần Duy	Đông	B14KTH2	10		6.5		8				9	8.6	Tam pháp Sau		
65	142327017	Đặng Thị	Dư	B14KTH2	10		10		8				10	9.5	Chên pháp Nam		
66	142327018	Nguyễn Thị Thùy	Dương	B14KTH2	7		3		7				10	8.3	Tam pháp Ba		
67	142327021	Dương Thị	Hà	B14KTH2	10		8		7.5				V	0.0	Khăng		
68	142327023	Nguyễn Thị	Hà	B14KTH2	10		9.5		8				8.5	8.6	Tam pháp Sau		
69	142327024	Nguyễn Thị	Hà	B14KTH2	9		10		8				9.5	9.1	Chên pháp Mất		
70	142327033	Đinh Thị	Hằng	B14KTH2	9		10		7.5				9.5	9.0	Chên		
71	142327034	Nguyễn Thị	Hằng	B14KTH2	6		0		0				HP	0.0	Khăng		
72	142327031	Vũ Thị Đức	Hạnh	B14KTH2	8		4		7				2.8	0.0	Khăng		
73	142327039	Nguyễn Thị	Hiếu	B14KTH2	10		6		8				7	7.5	Baý pháp Nam		
74	142327040	Nguyễn Thị Mai	Hoa	B14KTH2	10		7.5		8				5	6.5	Sau pháp Nam		
75	142327041	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	B14KTH2	10		6		7				9.8	8.7	Tam pháp Baý		
76	142327044	Ngô Thị	Hoan	B14KTH2	10		10		9				6.8	8.0	Tam		
77	142327048	Hoàng Thị	Huệ	B14KTH2	10		10		7.5				10	9.4	Chên pháp Bấu		
78	142327049	Nguyễn Thị Thu	Huệ	B14KTH2	10		5.5		7.5				10	8.9	Tam pháp Chên		
79	142327059	Trương Thị	Lan	B14KTH2	10		9.5		9				7	8.1	Tam pháp Mất		
80	142327061	Nguyễn Thị	Liêm	B14KTH2	10		10		8.5				10	9.6	Chên pháp Sau		
81	142327078	Trần Thị	Mai	B14KTH2	10		10		8				8.3	8.6	Tam pháp Sau		
82	142327079	Đỗ Thị	Minh	B14KTH2	10		5		7				10	8.8	Tam pháp Tam		
83	142327080	Trương Thị	Minh	B14KTH2	10		5.5		0				HP	0.0	Khăng		
84	142327088	Trần Thị Minh	Nghĩa	B14KTH2	10		10		7.5				8.8	8.7	Tam pháp Baý		

Ngày thi: 07/11/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
85	142327089	Dương Thị	Ngọc	B14KTH2	10		6		8				5	6.4	Saù pháy Bảứ		
86	142327090	Lê Thị Bích	Ngọc	B14KTH2	9		10		6.5				7.8	7.8	Baứ pháy Tảỉ		
87	142327099	Đình Thị	Nhung	B14KTH2	9		10		5				7.3	7.2	Baứ pháy Hai		
88	142327100	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	B14KTH2	9		8.5		3				0.8	0.0	Khẳg		
89	142327102	Trương Thị Hồng	Nhung	B14KTH2	9		7		6				4	5.3	Nằ pháy Ba		
90	142327103	Dương Thị Kim	Oanh	B14KTH2	9		4		7				6.5	6.6	Saù pháy Saù		
91	142327104	Huỳnh Thị Thùy	Oanh	B14KTH2	10		7		8				HP	0.0	Khẳg		
92	142327107	Nguyễn Hoài	Phươg	B14KTH2	8		5.5		6				6	6.2	Saù pháy Hai		
93	142327111	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	B14KTH2	9		10		7				8.8	8.5	Tảỉ pháy Nằ		
94	142327112	Hoàng Thị	Quỳnh	B14KTH2	10		9		8.5				7.3	8.0	Tảỉ		
95	142327113	Ngô Thị	Sen	B14KTH2	9		5.5		5				10	8.2	Tảỉ pháy Hai		
96	142327114	Hoàng Quốc	Sơn	B14KTH2	7		8		4				5	5.3	Nằ pháy Ba		
97	142327115	Nguyễn Thị Thu	Sươg	B14KTH2	9		7		6				5.8	6.3	Saù pháy Ba		
98	142327118	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	B14KTH2	10		10		8				6.3	7.5	Baứ pháy Nằ		
99	142327119	Trần Thị	Thanh	B14KTH2	10		3		8				6	6.6	Saù pháy Saù		
100	142327123	Nguyễn Hải	Thành	B14KTH2	6		3.5		3				6.3	5.2	Nằ pháy Hai		
101	142327124	Dương Thị Minh	Thảo	B14KTH2	9		8		6				7.3	7.2	Baứ pháy Hai		
102	142327133	Lê Mậu	Thìn	B14KTH2	7		4.5		7.5				4	5.2	Nằ pháy Hai		
103	142527271	Phan Thị Kim	Thoa	B14KTH2	10		6		7.5				HP	0.0	Khẳg		
104	142327136	Lưu Thị	Thu	B14KTH2	10		7		8.5				5.8	7.0	Baứ		
105	142327137	Trịnh Thị Hạnh	Thu	B14KTH2	8		5.5		6.5				1.3	0.0	Khẳg		
106	142327138	Nguyễn Thị	Thuận	B14KTH2	10		7.5		7.5				6.8	7.4	Baứ pháy Bảứ		
107	142327150	Phan Thị Huyền	Thươg	B14KTH2	9		3		8				8.8	8.0	Tảỉ		
108	142327145	Nguyễn Thị Thu	Thúy	B14KTH2	10		6.5		7				3	0.0	Khẳg		
109	142327141	Đình Thị	Thủy	B14KTH2	10		4.5		6				5.3	5.9	Nằ pháy Chằ		
110	142327142	Đình Thị	Thủy	B14KTH2	9		6.5		9				10	9.3	Chằ pháy Ba		
111	142327143	Nguyễn Thanh	Thủy	B14KTH2	10		9		8				9.3	9.0	Chằ		
112	142327151	Lê Thị	Tĩnh	B14KTH2	10		9.5		7				10	9.2	Chằ pháy Hai		
113	132327180	Nguyễn Thị	Toanh	B14KTH2	10		5		8.5				10	9.1	Chằ pháy Mảứ		
114	142327165	Lại Thị Bảo	Uyên	B14KTH2	6		0		4				6.8	5.3	Nằ pháy Ba		
115	142327173	Trần Thị Thanh	Xuân	B14KTH2	10		7.5		8				4.8	6.4	Saù pháy Bảứ		
116	142327174	Nguyễn Hồng	Yên	B14KTH2	10		9		9				9.8	9.5	Chằ pháy Nằ		
117	142327177	Phạm Thị	Yến	B14KTH2	10		10		7.5				8	8.3	Tảỉ pháy Ba		
118	142327178	Vô Thị Kim	Yến	B14KTH2	7		10		8				8.3	8.3	Tảỉ pháy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	100	85%	
2	Số sinh viên nợ	18	15%	
TỔNG CỘNG :		118	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thi:		07/11/2010		LẦN THI										1		
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25				55	100			

Nguyễn Kim Đức

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú